

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 15/2024/LĐST

Ngày: 29 – 11 – 2024

V/v “*Tranh chấp tiền lương*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phi Hồ – Liên đoàn lao động TP. Biên Hòa và bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Linh – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2022/TLST-LĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp tiền lương*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-LĐ ngày 25/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2024/QĐST-LĐ ngày 12/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Thành C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV D;

Địa chỉ: Số F khu dân cư Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Trung T – Chủ tịch công ty kiêm giám đốc.

(Ông C đề nghị xét xử vắng mặt; Đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án Nguyên đơn là ông Võ Thành C trình bày:

Ông Võ Thành C làm việc cho Công ty TNHH MTV D (gọi tắt là Công ty D), từ 22/7/2022; Công ty có thực hiện giao kết hợp đồng làm việc nhưng không có thời gian thực hiện hợp đồng, công việc làm là Bảo vệ; Mức lương:

7.818.000 đồng/ tháng, trong đó có 1.078.000 đồng tiền trách nhiệm; Trong quá trình làm việc ông C luôn hoàn thành nhiệm vụ, được nhận tiền lương cụ thể như sau:

- Tháng 7/2022 Công ty trả tiền lương cho ông là: 2.672.000 đồng
- Tháng 8/2022 Công ty trả tiền lương cho ông là: 7.650.000 đồng
- Tháng 9/2022 Công ty không trả tiền lương cho ông C.

Hàng tháng ông C nhận tiền từ anh H - Nhân sự trả, ông có ký nhận vào sổ của Công ty nhưng không giao cho ông phiếu lương. Nhưng vào ngày 21/9/2022 ông C có đơn xin Công ty N (hết thời gian thử việc). Lý do Công ty trả tiền lương cho ông chậm (hợp đồng ghi trả lương vào ngày 15 nhưng đến ngày 21 công ty mới trả lương) và Công ty không tính tiền lương tăng ca cho ông cụ thể như sau:

1/ Tiền lương tháng 7-2022: làm việc 9 ngày (01 chủ nhật : 12 giờ và 8 ngày thường 96 giờ, tăng ca : 4 giờ/ ngày x 9 ngày = 36 giờ

7.818.000 đồng : 26 ngày : 8 giờ x 12 giờ x 200% = 902.000 đồng

7.818.000 đồng : 26 ngày x 8 ngày = 2.405.538 đồng

7.818.000 đồng : 26 ngày : 8 giờ x 36 giờ x 150% = 2.029.672 đồng

2/ Tiền lương tháng 8-2022: làm việc 31 ngày (04 chủ nhật : 48 giờ và 27 ngày thường, tăng ca thường: 4 giờ/ ngày x 27 ngày = 108 giờ

7.818.000 đồng : 26 ngày : 8 giờ x 48 giờ x 200% = 3.608.307 đồng

7.818.000 đồng : 26 ngày x 27 ngày = 8.118.692 đồng

7.818.000 đồng : 26 ngày : 8 giờ x 108 giờ x 150% = 6.089.019 đồng

3/ Tiền lương tháng 9-2022: làm việc 29 ngày (01 chủ nhật: 12 giờ và 25 ngày thường, tăng ca thường: 4 giờ/ ngày x 25 ngày = 100 giờ

7.818.000 đồng : 26 ngày : 8 giờ x 12 giờ x 200% = 902.000 đồng

7.818.000 đồng : 26 ngày x 25 ngày = 7.517.307 đồng

7.818.000 đồng : 26 ngày : 8 giờ x 100 giờ x 150% = 5.637.979 đồng

Tổng cộng: 37.211.000đ

Trừ đi số tiền lương công ty đã trả cho ông C gồm tháng 7/2022 là 2.672.000đ + tháng 8/2022 là 7.650.000đ = 10.322.000đ. Số tiền còn lại Công ty nợ ông C là 26.889.000đ. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho ông số tiền lương còn nợ là 26.889.000đ.

- Bị đơn là Công ty TNHH MTV D do ông Huỳnh Trung T là đại diện theo pháp luật vắng mặt nên Tòa án không nghị nhận được ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Lao động là loại tranh chấp thuộc trường hợp phải thông qua thủ tục hòa giải của Hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết,

vào các ngày 19/10/2022 và 01/11/2022 Hòa giải viên lao động đã tiến hành hòa giải sự việc nhưng không thành nên Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 32, Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách người tham gia tố tụng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp tiền lương” là đúng quy định. Từ đó, xác định ông Võ Thành C là nguyên đơn, Công ty TNHH MTV D là bị đơn là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Xét hợp đồng lao động số 072-2022/HĐ-BAP ngày 22/7/2022, giữa ông Võ Thành C và Công ty TNHH MTV D:

Về thời gian làm việc: Ông C và Công ty T1 thời gian làm việc 12 giờ/1 ngày là trái quy định về thời gian làm việc 8 giờ/1 ngày theo Điều 105 Bộ luật lao động và khoản 1 Điều 63 Nghị định 145/2020/NĐ-CP nên hợp đồng số 072-2022/HĐ-BAP ngày 22/7/2022 là vô hiệu một phần theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Bộ luật lao động.

Xét các bảng lương tháng 7, 8, 9 năm 2022 công ty đã tính toán lương phù hợp và thanh toán cho ông C nên việc ông C yêu cầu công ty trả lương làm việc ngày thường còn thiếu là không có căn cứ chấp nhận.

Về tiền làm thêm giờ: Căn cứ các bảng lương do Công ty D cung cấp, hợp đồng lao động số 072-2022/HĐ-BAP ngày 22/7/2022 và trình bày của ông C thì việc ông C làm việc 12 giờ/1 ngày là có thật nên yêu cầu việc Công ty D phải thanh toán tiền làm thêm giờ là 4 giờ/1 ngày là có căn cứ chấp nhận. Số ngày ông C làm việc của tháng 7/2022 và tháng 8/2022 giữa Công ty và ông C trình bày là phù hợp với nhau, theo đó tháng 7/2022 ông C làm 9 ngày, tháng 8/2022 ông C làm 31 ngày, riêng tháng 9/2022 thì theo bảng lương công ty cung cấp ông C làm việc 24 ngày, ông C trình bày tháng 9 ông làm 29 ngày công, tuy nhiên ông không cung cấp được chứng cứ nào khác nên căn cứ vào số ngày làm việc 24 ngày do công ty cung cấp để xác định thời gian làm việc của ông C.

Từ những phân tích trên, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành C, buộc Công ty TNHH D1 tiền làm thêm cho ông C với số tiền là 7.899.600 đồng và tiền lương tháng 9/2022 công ty chưa trả cho ông C là 2.285.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí Lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn là Công ty TNHH MTV D (gọi tắt là Công ty D) đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng các mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn xác định thời điểm phát hiện hành vi mà nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là ngày 21/10/2022. Đến ngày 11/11/2022, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Do đó, thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp là phù hợp theo quy định tại Điều 190 Bộ luật Lao động.

[3] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn đều xác định yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tiền lương còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về tiền lương.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn làm việc cho Công ty D từ ngày 22/7/2022 đến hết ngày 21/9/2022 thì nguyên đơn nghỉ việc. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cho rằng Công ty D còn nợ nguyên đơn số tiền lương là 26.889.000đ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

Theo các tài liệu do các đương sự giao nộp có thể hiện giữa ông C và Công ty D có giao kết hợp đồng lao động số 072-2022/HĐ-BAP ngày 22/7/2022 với nội dung thỏa thuận về thời gian làm việc 12 giờ/1 ngày là trái quy định về thời gian làm việc 8 giờ/1 ngày được quy định tại Điều 105 Bộ luật lao động và khoản 1 Điều 63 Nghị định 145/2020/NĐ-CP nên hợp đồng số 072-2022/HĐ-BAP ngày 22/7/2022 bị vô hiệu một phần.

Về mức lương: Tại Điều III hợp đồng số 072-2022/HĐ-BAP thể hiện, tiền trách nhiệm là 1.078.000 đồng, tiền lương khoán tháng (30 hoặc 31 ngày của tháng) là 6.740.000 đồng (mức lương này bao gồm 200% tiền làm các ngày chủ nhật trong tháng). Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông C về trả tiền làm 06 ngày chủ nhật (gồm 01 ngày của tháng 7, 04 ngày của tháng 8 và 01 ngày chủ nhật của tháng 9) là không có căn cứ chấp nhận. Theo thỏa thuận tại khoản 6 Điều 7 của hợp đồng thì mức lương cơ bản (chưa tính tiền làm thêm ngày nghỉ) của ông C là 4.729.000 đồng, nên xác định đây là mức lương làm căn cứ tính tiền làm thêm giờ cho ông C.

Xét các bảng lương tháng 7, 8, 9 năm 2022 công ty đã tính toán lương phù hợp và thanh toán cho ông C nên việc ông C yêu cầu trả lương làm việc ngày thường còn thiếu là không có căn cứ chấp nhận.

Về tiền làm thêm giờ: Theo như nguyên đơn trình bày nguyên đơn đã làm việc 12 giờ/1 ngày, đối chiếu với bảng lương do Công ty D cung cấp, hợp đồng lao động số 072-2022/HĐ-BAP ngày 22/7/2022 thì việc ông C làm việc 12 giờ/1 ngày là có thật nên ông C yêu cầu Công ty D phải thanh toán tiền làm thêm giờ là 4 giờ/1 ngày là có căn cứ chấp nhận. Số ngày ông C làm việc của tháng 7/2022 và tháng 8/2022 giữa Công ty và ông C trình bày là phù hợp với nhau, theo đó tháng 7/2022 ông C làm 09 ngày, tháng 8/2022 ông C làm 31 ngày, riêng tháng 9/2022 thì theo bảng lương công ty cung cấp ông C làm việc

24 ngày, ông C trình bày tháng 9 ông làm 29 ngày công, tuy nhiên ông C không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên căn cứ vào số ngày làm việc 24 ngày do bị đơn cung cấp để xác định thời gian làm việc của ông C.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ để chấp nhận một phần đối với tiền lương làm thêm giờ như sau:

Mức lương 1 giờ làm việc bình thường là 4.729.000 đồng : 26 ngày : 8 giờ = 22.700 đồng.

Tháng 7/2022: 8 ngày x 4 giờ = 32 giờ làm thêm.

Tháng 8/2022: 27 ngày x 4 giờ = 108 giờ làm thêm.

Tháng 9/2022: 23 ngày x 4 giờ = 92 giờ làm thêm.

Tổng cộng là 232 giờ x 22.700 đồng x 150% = **7.899.600 đồng**.

Đối với tiền lương tháng 9/2022 của ông C nhận thấy: Công ty D đã tính cụ thể theo Bảng lương bỏ việc tháng 9/2022 với tổng tiền lương là 7.014.400 đồng. Phía bị đơn cho rằng ông C vi phạm nên trừ vi phạm với số tiền 4.729.400đ. Quá trình làm việc tại Tòa án phía bị đơn không đến làm việc, không cung cấp chứng cứ để chứng minh lỗi của ông C. Do đó, việc bị đơn trừ khoản tiền vi phạm của nguyên đơn với số tiền 4.729.400đ là không có căn cứ. Do đó, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho ông C tiền lương của tháng 9/2022 là 7.014.400 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền lương, làm thêm giờ mà Công ty D phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông C là 7.899.600 đồng + 7.014.400 đồng = 14.914.000đ.

[6] Về án phí: Ông C được miễn án phí dân sự sơ thẩm, Công ty D phải chịu 447.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 244, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 90, 91, 94, 95; 98, 190 Bộ luật Lao động; Điều 55, Điều 56, Điều 57 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành C về việc “Tranh chấp tiền lương” đối với Công ty TNHH MTV D.

2. Buộc Công ty TNHH MTV D phải thanh toán cho ông Võ Thành C khoản tiền lương 14.914.000đ (mười bốn triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng).

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Công ty TNHH MTV D phải nộp 447.000đ (bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát TP.Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hương